



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

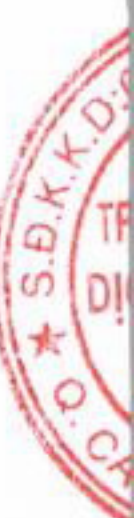
UHY

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH
CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Vận tải và Chế biến Lâm Sản (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Long Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lợi Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Lan.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 22/02/2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 346/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015. Theo đó, Công ty Chế biến lâm sản Phú Thọ thực hiện cổ phần hóa cùng 3 doanh nghiệp khác trong đó Tổng Công ty Giấy Việt Nam giữ dưới 50% vốn điều lệ. Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Quốc Long
Giám đốc

Phú Thọ, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Số: LM /2013/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm Sản
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi:

**Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Giấy Việt Nam – Công ty TNHH
Ban Giám đốc Công ty Vận tải và Chế biến Lâm Sản**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm Sản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 15 tháng 04 năm 2013, trình bày từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm Sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933/ KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Salut

Mai Việt Hùng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 2334/ KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.119.556.125	7.325.022.261
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	617.148.421	964.435.741
Tiền	111		104.085.465	964.435.741
Các khoản tương đương tiền	112		513.062.956	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.313.434.745	3.200.405.033
Đầu tư ngắn hạn	121	5	3.313.434.745	3.200.405.033
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.153.729.377	2.790.156.167
Phải thu khách hàng	131		1.465.224.544	1.280.591.818
Phải thu nội bộ	133	6	348.515.162	818.820.199
Các khoản phải thu khác	135	7	370.589.746	721.344.225
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(30.600.075)	(30.600.075)
Hàng tồn kho	140		959.730.302	275.526.820
Hàng tồn kho	141	8	959.730.302	275.526.820
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		75.513.280	94.498.500
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	38.722.500
Thuế GTGT được khấu trừ	152		792.280	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	74.721.000	55.776.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.801.208.691	8.306.347.803
Tài sản cố định	220		7.801.208.691	8.306.347.803
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.801.208.691	8.306.347.803
- Nguyên giá	222		13.195.987.996	13.195.987.996
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.394.779.305)	(4.889.640.193)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		10.000.000	10.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.000.000)	(10.000.000)
TỔNG TÀI SẢN	270		14.920.764.816	15.631.370.064

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		818.831.299	1.081.906.566
Nợ ngắn hạn	310		818.831.299	957.236.566
Phải trả người bán	312		698.090.163	735.173.404
Người mua trả tiền trước	313		54.292.809	809.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	54.912.913
Phải trả nội bộ	317		-	103.649.855
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	52.704.309	42.675.531
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.744.018	20.015.654
Nợ dài hạn	330		-	124.670.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	124.670.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.101.933.517	14.549.463.498
Vốn chủ sở hữu	410	13	14.101.933.517	14.549.463.498
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.341.599.713	14.341.599.713
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(439.492.162)	8.037.819
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		199.825.966	199.825.966
TỔNG NGUỒN VỐN	440		14.920.764.816	15.631.370.064

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			77.231.911	77.231.911
Nợ khó đòi đã xử lý			360.712.459	360.712.459



Trịnh Quốc Long
Giám đốc

Phú Thọ, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Đỗ Thị Bích Lan
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	14.716.118.280	15.239.060.793
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	15	-	3.502.261
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.716.118.280	15.235.558.532
Giá vốn hàng bán	11	16	14.137.771.564	13.780.766.819
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		578.346.716	1.454.791.713
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	432.045.600	176.441.904
Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	1.962.275.575	1.624.195.792
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(951.883.259)	7.037.825
Thu nhập khác	31	19	513.829.535	1.000.000
Chi phí khác	32		1.438.438	6
Lợi nhuận khác	40		512.391.097	999.994
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(439.492.162)	8.037.819
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(439.492.162)	8.037.819



Trịnh Quốc Long
Giám đốc

Phú Thọ, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Đỗ Thị Bích Lan
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		14.754.741.127	16.931.632.561
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(12.786.330.463)	(11.468.710.579)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.828.233.030)	(1.223.553.579)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		755.677.871	1.817.513.646
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(1.562.158.713)	(349.293.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(666.303.208)	5.707.588.643
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.148.308.255)	(5.867.464.255)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.318.534.029	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		148.790.114	176.441.904
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		319.015.888	(5.691.022.351)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(347.287.320)	16.566.292
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	964.435.741	947.869.449
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	617.148.421	964.435.741



Trịnh Quốc Long
Giám đốc
 Phú Thọ, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Đỗ Thị Bích Lan
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được lập theo Quyết định số 1088/QĐ – HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Giấy Việt Nam – Công ty TNHH. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1816000013 ngày 01 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã bốn lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi trụ sở giao dịch đồng thời thay đổi Mã số chi nhánh. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 mã số 2600357502-003 ngày 06 tháng 01 năm 2012.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam – Công ty TNHH.

Công ty có trụ sở tại phố Phú Hà, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2012 là 58 người (đến ngày 31/12/2011 là 60 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Trồng cây nguyên liệu giấy;
- Thu mua nguyên liệu giấy, gỗ công nghiệp khác;
- Đại lý giới thiệu sản phẩm về giấy;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, máy móc thiết bị thi công) đường bộ, đường thủy, đường sắt;
- Bốc xếp hàng hóa (nguyên nhiên liệu, phế thải);
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy (phương tiện vận tải);
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm vật tư xây dựng (thiết bị vệ sinh, xi măng, sắt, thép, các loại gạch cát...); và
- Cho thuê văn phòng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 là: thu mua nguyên liệu giấy, kinh doanh dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa và sửa chữa phương tiện vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số:15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 ngoại trừ chính sách về trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	10 - 15

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán giấy, vở, cung cấp dịch vụ vận chuyển, dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải, dịch vụ cho thuê văn phòng và Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu tài chính

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở giấy báo có của ngân hàng trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.9 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Từ năm 2011 trở về trước, Công ty áp dụng Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp, Công ty thực hiện trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của Công ty để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm. Năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp, thay thế Thông tư 82 trên đây. Theo quy định của Thông tư này, Công ty không được trích quỹ nữa và ghi nhận chi phí theo thực tế phát sinh. Nếu khi lập Báo cáo tài chính năm 2012, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty còn số dư, Công ty hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của Công ty, Công ty không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng. Do vậy, Công ty không còn số dư phải trả liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2012.

Các quy định trên có sự khác biệt với Chuẩn mực kế toán số 18 về các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Theo quy định của Luật lao động Việt Nam, người lao động làm việc tại Công ty được hưởng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cho mỗi năm làm việc và được trả khi thôi việc tại Công ty theo mức lương bình quân 6 tháng trước khi thôi việc. Do đã thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp nên Công ty chỉ phải thanh toán trợ cấp thôi việc cho số năm làm việc tính đến hết ngày 31/12/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được quyết toán tập trung tại Tổng Công ty Giấy Việt Nam – Công ty TNHH với mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Giấy Việt Nam – Công ty TNHH, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Ban Giám đốc của Công ty. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2012 được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 20 của Báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	83.654.687	248.751.654
Tiền gửi ngân hàng	20.430.778	715.684.087
Các khoản tương đương tiền (*)	513.062.956	-
	617.148.421	964.435.741

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.

5. KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, số tiền: 1.031.566.490 đồng và tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ, số tiền: 2.281.868.255 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU NỘI BỘ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam - Công ty TNHH	348.515.162	818.820.199
	348.515.162	818.820.199

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu BHXH cán bộ công nhân viên	3.359.832	-
Phải thu khác (*)	367.229.914	721.344.225
	370.589.746	721.344.225

(*) Khoản phải thu khác bao gồm khoản tạm ứng của trạm thu mua nguyên liệu giấy do Ông Lã Tiến Quang thay mặt các nhân viên khác ký nhận, số tiền: 248.501.312 đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.753.299	114.960.606
Thành phẩm	610.313.328	2.358.021
Hàng hoá	258.663.675	158.208.193
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	959.730.302	275.526.820

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	74.721.000	55.776.000
	74.721.000	55.776.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2012	5.830.172.987	788.500.975	4.909.746.545	13.172.728	1.654.394.761	13.195.987.996
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
31/12/2012	5.830.172.987	788.500.975	4.909.746.545	13.172.728	1.654.394.761	13.195.987.996
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2012	(455.078.205)	(770.675.215)	(3.476.368.278)	(13.172.728)	(174.345.767)	(4.889.640.193)
- Khấu hao trong năm	(144.377.988)	(8.227.272)	(284.650.620)	-	(67.883.232)	(505.139.112)
31/12/2012	(599.456.193)	(778.902.487)	(3.761.018.898)	(13.172.728)	(242.228.999)	(5.394.779.305)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2012	5.375.094.782	17.825.760	1.433.378.267	-	1.480.048.994	8.306.347.803
31/12/2012	5.230.716.794	9.598.488	1.148.727.647	-	1.412.165.762	7.801.208.691

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.541.785.963 đồng.

- Công ty đang ghi nhận trong TSCĐ hữu hình khác nguyên giá Trạm biến áp, số tiền: 873.100.430 đồng. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện tính và ghi nhận khấu hao TSCĐ đối với Trạm biến áp do Công ty không sử dụng để sản xuất sản phẩm kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2012	10.000.000	10.000.000
- Mua trong năm	-	-
31/12/2012	<u>10.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2012	(10.000.000)	(10.000.000)
- Khấu hao trong năm	-	-
31/12/2012	<u>(10.000.000)</u>	<u>(10.000.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2012	-	-
31/12/2012	<u>-</u>	<u>-</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	4.715.639	5.675.531
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.988.670	37.000.000
	<u>52.704.309</u>	<u>42.675.531</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2011	13.167.933.011	5.224.810	9.823.934	199.825.966	27.172.100	13.409.979.821
- Tăng vốn do nhận bằng tài sản	1.173.666.702	-	-	-	-	1.173.666.702
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	8.037.819	8.037.819
- Chuyển lợi nhuận năm 2010 về Tổng Công ty	-	(5.224.810)	(9.823.934)	-	(27.172.100)	(42.220.844)
31/12/2011	14.341.599.713	-	-	199.825.966	8.037.819	14.549.463.498
01/01/2012	14.341.599.713	-	-	199.825.966	8.037.819	14.549.463.498
- Chuyển lợi nhuận năm 2011 về Tổng Công ty	-	-	-	-	(8.037.819)	(8.037.819)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(439.492.162)	(439.492.162)
31/12/2012	14.341.599.713	-	-	199.825.966	(439.492.162)	14.101.933.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.022.043.308	983.843.332
Chi phí vật liệu quản lý	87.747.509	121.145.322
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.711.638	19.370.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.403.640	91.898.379
Thuế phí, lệ phí	231.689.000	99.083.600
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	21.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.218.480	49.976.515
Chi phí bằng tiền khác	180.462.000	237.378.190
	1.962.275.575	1.624.195.792

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu tiền cho thuê xe	300.165.001	-
Tiền bán giấy lẻ	88.494.534	-
Thu nhập khác	125.170.000	1.000.000
	513.829.535	1.000.000

20. THÔNG TIN KHÁC

20.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2012 và/hoặc có số dư tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Giấy Việt Nam - Công ty TNHH	Cơ quan Chủ quản
2	Công ty Chế biến và XNK Dăm mảnh Quảng Ninh	Cùng Tổng Công ty
3	Công ty Lâm nghiệp Tân Phong	Cùng Tổng Công ty
4	Công ty Lâm nghiệp Đoan Hùng	Cùng Tổng Công ty
5	Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Cùng Tổng Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

20.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	11.819.421.392	12.303.705.327
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam - Công ty TNHH	7.799.444.972	11.695.161.847
- Công ty Chế biến và XNK Dăm mảnh Quảng Ninh	4.019.976.420	608.543.480
Mua hàng từ các bên liên quan	2.137.981.970	1.478.162.297
- Mua hàng từ Tổng Công ty Giấy Việt Nam - Công ty TNHH	2.137.981.970	1.437.618.000
- Mua hàng từ Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	-	40.544.297
Thu nhập của ban giám đốc	137.058.521	177.524.203
- Lương, thưởng và phụ cấp	137.058.521	177.524.203

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu	348.515.162	818.820.199
Phải thu Tổng Công ty Giấy Việt Nam - Công ty TNHH	348.515.162	818.820.199
Các khoản phải trả	-	103.649.855
- Phải trả Công ty Lâm nghiệp Tân Phong	-	64.149.855
- Phải trả Công ty Lâm nghiệp Đoan Hùng	-	39.500.000

20.2 THUÊ ĐẤT

Công ty có các hợp đồng thuê đất ký với Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ như sau:

Theo Quyết định số 3271/QĐ-UB ngày 13/11/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ, Công ty được thuê khu đất tại phố Long Xuyên, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ với diện tích 3.101,8 m² có giá thuê 5.880 đồng/m²/năm từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/07/2011 và có giá thuê 33.600 đồng/m²/năm từ ngày 01/07/2011 đến ngày 01/07/2016. Thời hạn thuê 30 năm kể từ ngày 01/01/1996.

Theo Quyết định số 1576/QĐ-UB ngày 30/5/2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ, Công ty được thuê khu đất tại Phố Phú Hà, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ với diện tích 10.113,4 m² có giá thuê 7.070 đồng/m²/năm từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/07/2011 và có giá thuê 33.600 đồng/m²/năm từ ngày 01/07/2011 đến ngày 01/07/2016. Thời hạn thuê 30 năm kể từ ngày 01/01/1996.

Hết thời hạn trên, giá thuê đất được xác định lại theo Nghị định 142/2005/NĐ - CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về tiền thuê đất, thuê mặt nước. Số tiền thuê đất được thanh toán hàng năm tại Kho bạc tỉnh Phú Thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

20.3 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán.



Trịnh Quốc Long

Giám đốc

Phú Thọ, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Đỗ Thị Bích Lan

Kế toán trưởng

